

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liệu.

2. Ông Nguyễn Chánh Bôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 27, phố 4, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 19/21, tổ 43, đường D5, KDC Việt Sing, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Phùng Cống L, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 27, phố 4, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị X, anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, Bản tự khai ngày 21/02/2022, Bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Cống L tự nguyện chung sống từ năm 2010 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64/2015 (quyển số 02/2013) ngày 07/10/2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh L không quan tâm đến cảm nhận của chị, vợ chồng

không đồng cảm, anh L có nhiều hành động làm chị hụt hẫng, chán nản và dồn nén. Đến tháng 7/2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Cống L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên là Phùng Ngọc Y, sinh ngày 19/11/2010 và Phùng Gia H, sinh ngày 05/01/2014. Chị tự nguyện giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn anh Phùng Cống L trình bày :

Anh và chị X tự nguyện chung sống từ năm 2009 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64/2015 (quyển số 02/2013) ngày 07/10/2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh đi làm xa còn chị X thì không chung thủy. Sau khi biết chuyện thì anh đã nói chuyện và bỏ qua nhiều lần nhưng chị X không thay đổi để cùng lo cho con cái. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên là Phùng Ngọc Y, sinh ngày 19/11/2010 và Phùng Gia H, sinh ngày 05/01/2014. Anh đồng ý trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L cũng đồng ý ly hôn với chị X. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao 02 con chung cho anh L nuôi dưỡng, tạm thời chị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị X được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh L

và chị X được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X và bị đơn anh Phùng Cống L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị X, anh L.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phùng Cống L có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị X và anh Phùng Cống L đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 2015 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Phùng Cống L đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X: Chị X xin ly hôn với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy chị X và anh L không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh L cũng đồng ý ly hôn với chị X. Nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị X, anh L thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị X xin ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung:

Chị X và anh L có 02 con chung là Phùng Ngọc Y, sinh ngày 19/11/2010 và Phùng Gia H, sinh ngày 05/01/2014. Hiện hai con chung đang sống cùng anh L, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh và được đi học. Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị X cũng đồng ý giao 02 con chung cho anh L

nuôi dưỡng sau ly hôn, nên giao 02 con chung là Phùng Ngọc Y, sinh ngày 19/11/2010 và Phùng Gia H, sinh ngày 05/01/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Do anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị X được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh L và chị X được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X. Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Phùng Cống L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Phùng Ngọc Y, sinh ngày 19/11/2010 và Phùng Gia H, sinh ngày 05/01/2014 cho anh Phùng Cống L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời chị Nguyễn Thị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh L chưa yêu cầu. Chị Nguyễn Thị X được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh L và chị X được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị X đã nộp theo biên lai số 0003506 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí chị X phải chịu. Chị X đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X và anh Phùng Cống L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

